

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2025/HS-ST

Ngày: 22 – 7 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**.

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Nghĩa** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Phước S, sinh ngày 05/8/1998, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: số D khóm H, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là số D, khóm H, phường N, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Trần Hữu T, sinh năm: 1975 (chết) và bà Hồ Thị Thanh C, sinh năm: 1978; Anh chị em ruột có 03 người lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 1999.

Tiền sự: 01 lần.

Vào ngày 06/4/2024 có hành vi trộm cắp tài sản bị Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000đ chưa nộp phạt.

Tiền án: không.

Nhân thân: Ngày 23/10/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tuyên phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 26/7/2020 chấp hành xong án phạt tù.

Bị cáo Trần Phước S bị tạm giữ từ ngày 23/01/2025, đến ngày 24/01/2025 bị tạm giam đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực huyện V thuộc phòng PC11, Công an tỉnh V. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Vũ T1, sinh ngày 10/4/1992, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 2/12; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; con ông Lê Văn O, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị X,

sinh năm: 1973; Vợ: Cao Thị Cẩm T2, sinh năm 1994; Anh chị em ruột bị cáo là con một.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án.

Ngày 23/02/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 03/10/2024.

Về nhân thân: Ngày 09/3/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tuyên phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành án xong, đã được xóa án tích; Ngày 17/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tuyên phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành án xong, đã được xóa án tích.

Bị cáo Lê Vũ T1 bị tạm giữ từ ngày 23/01/2025; đến ngày 24/01/2025 bị tạm giam đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực huyện V thuộc phòng PC11, Công an tỉnh V. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông **Nguyễn Trung S1** – sinh năm: 1973 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Nơi thường trú: ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm: 1986 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2. Bà **Hồ Thị Thanh C**, sinh năm: 1978 (có mặt).

Cùng nơi thường trú: số D, khóm H, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là số D, khóm H, phường N, tỉnh Vĩnh Long).

3. Anh **Nguyễn Trí H1**, sinh năm: 1995 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Nơi thường trú: số A, khóm G, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là số A, khóm G, phường N, tỉnh Vĩnh Long).

4. Anh **Trương Thành L**, sinh năm: 1994 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Nơi thường trú: số B, khóm F, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là số B, khóm F, phường N, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ quen biết nên vào khoảng 08 giờ ngày 15/01/2025, Lê Vũ T1 đến nhà của Trần Phước S chơi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, S rủ T1 đi thành phố V mua ma túy sử dụng và tìm xe mô tô không người trông coi lấy trộm bán lấy tiền thì T1 đồng ý. S lấy cây đoản và chìa khóa xe bỏ vào túi áo khoác, rồi tự ý lấy xe mô tô biển số 84B1-836.29 của mẹ ruột là bà Hồ Thị Thanh C, sinh năm 1978, ngụ cùng địa chỉ, điều khiển chở T1 đến khu vực cầu K ở phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Khi đến nơi, S và T1 mỗi người tự mua ma túy xong, S chở T1 về. Đến đoạn đường thuộc huyện L, tỉnh Vĩnh Long, S điều khiển xe vào bãi đất trống bên phải cùng hướng xe đang lưu thông, không xác định được địa điểm cụ thể, cả

hai lấy ma túy vừa mua ra sử dụng, khoảng 05 phút sau thì S điều khiển xe chở T1 đi về.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, cả hai đến đoạn đường T hướng Vĩnh Long - Trà Vinh, thuộc ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. T1 phát hiện xe mô tô biển số 64D1-201.04 không người trông coi nên kêu S dừng lại lấy trộm. S dừng xe lại đứng bên ngoài cánh giới còn T1 đi bộ vào lấy trộm xe 64D1-201.04, nhưng do xe không có gắn chìa khóa nên Thanh đi T3 ra để S vào lấy trộm, còn T1 lên xe 84B1-836.29 ngồi đợi. S đi vào dùng cây đoản và chìa khóa mở khóa xe 64D1-201.04, khởi động điều khiển ra đường T lưu thông về hướng Trà Vinh, T1 điều khiển xe 84B1-836.29 chạy phía sau, được một đoạn thì cả hai dừng lại đổi xe cho nhau và điều khiển xe về nhà của S.

Đến nhà S, T1 dựng xe mô tô 64D1-201.04 ở ngoài sân rồi đi vào phòng của S sử dụng điện thoại. Lúc này S dùng cây đoản mở cốp xe mô tô 64D1-201.04 phát hiện một cái bóp màu đen bên trong có 01 (một) Căn cước công dân, 01 (một) Chứng minh nhân dân, 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, 01 (một) Thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Trung S1 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64D1-201.04 mang tên Nguyễn Minh N. S lấy giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64D1-201.04 ra, còn cái bóp màu đen và các giấy tờ còn lại S đem cất giấu phía sau ghế massage trong phòng chứa đồ trong nhà của S. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, S đưa giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64D1-201.04 và xe mô tô biển số 64D1-201.04 cho ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1987, ngụ cùng địa chỉ, là cha dượng của S nói: “T1 nhờ cầm dùm”. Ông H đồng ý và điện thoại cho Nguyễn Trí H1, sinh năm 1995, nơi thường trú số 116, khóm G, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, đem xe mô tô biển số 64D1-201.04 đi cầm. Sau đó, H1 đến nhà ông H và điều khiển xe mô tô biển số 64D1-201.04 đến cầm cho anh Trương Thành L, sinh năm 1994, nơi thường trú số B, khóm F, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, được số tiền 4.000.000 đồng, H1 đưa hết cho H và H đưa lại cho S. S chia cho T1 1.000.000 đồng, giữ lại 3.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng 18 giờ ngày 21/01/2025, S xin ông Nguyễn Thanh H số tiền 4.200.000 đồng và nhờ ông H đi chuộc xe mô tô biển số 64D1-201.04 lại dùm. Ông H cùng Nguyễn Trí H1 đến chỗ Trương Thành L, chuộc xe với số tiền 4.200.000 đồng. Anh L gọi điện thoại nhờ em họ là Nguyễn Thành D, sinh năm 2000, nơi thường trú số G, khóm H, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, dẫn xe mô tô 64D1-201.04 giao cho H1. Khi D dẫn xe cách H1 và H khoảng 10m thì bị Công an thành phố T, tỉnh Trà Vinh chặn lại kiểm tra xe. Thấy vậy H kêu H1 chạy xe đi khỏi nơi đó và về nhà.

Công an thành phố T, tỉnh Trà Vinh kiểm tra phát hiện xe mô tô 64D1-201.04 là tài sản có liên quan đến vụ trộm cắp tài sản đang được truy tìm, nên thông báo và bàn giao xe mô tô 64D1-201.04 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết.

Qua kết quả xác minh, ngày 22/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, phối hợp Công an thành phố T mời Trần Phước S và Lê Vũ T1 làm việc. Lúc này, T1 biết việc lấy trộm xe mô tô 64D1-201.04 cùng S đã bị phát hiện nên đầu thú và trình bày lại toàn bộ quá trình lấy trộm xe mô tô 64D1-201.04 cùng S. Còn S

lúc đầu không thừa nhận, đến khi cơ quan điều tra khám xét chỗ ở của S thu giữ được cái bóp màu đen bên trong chứa các giấy tờ mang tên ông Nguyễn Trung S1 thì S thừa nhận việc lấy trộm xe mô tô 64D1-201.04 cùng Lê Vũ T1.

Ngày 20/01/2025 cơ quan CSĐT Công an huyện V ra quyết định số 118/YC-ĐCSHS về yêu cầu định giá tài sản. Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 23/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện V, kết luận: tại thời điểm ngày 15/01/2025 xe mô tô biển số kiểm soát 64D1-201.04 có giá trị thành tiền là 10.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Phước S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã nộp lại tiền thu lợi bất chính. Bị cáo Lê Vũ T1 đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; tái phạm.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật;

- 01 xe mô tô 64D1-201.04 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 047337, tên chủ xe Nguyễn Minh N, biển số đăng ký 64D1-201.04 giấy tờ xe do Công an thành phố T, tỉnh Trà Vinh bàn giao.

- Khám xét chỗ ở của Trần Phước S thu giữ: 01 cái bóp màu đen, loại bóp quai ngang, có chữ Polo bên ngoài; bên trong có: 01 (một) Căn cước công dân, 01 (một) Chứng minh nhân dân, 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, 01 (một) Thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Trung S1; 01 (một) áo khoác của Trần Phước S có đặc điểm: áo khoác tay dài màu đen, phía trước ngực áo có chữ “Dodgers” màu trắng và có 02 (hai) sọc xéo song song màu xám, trên 02 (hai) tay áo có màu xám đen và có 03 (ba) sọc đen.

- Trần Phước S giao nộp: 01 (một) nón bảo hiểm loại nửa đầu không kính màu trắng, có lưỡi trai màu đen, trên nón có nhiều vết màu xanh xám nâu; 01 (một) đôi dép, loại dép kẹp đen đỏ, có quai dép màu vàng có chữ zenstar; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã qua sử dụng.

- Lê Vũ T1 giao nộp: 01 (một) đôi dép bằng nhựa màu đen, loại dép quai ngang, trên quai dép có 05 sọc màu đen và có chữ asia, quai dép màu xám có 05 sọc màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng.

- 01 (một) đĩa DVD-R maxell lưu trữ các đoạn video liên quan vụ trộm do cơ quan điều tra thu được trong quá trình điều tra xác minh.

Việc xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu: Trả lại cho ông Nguyễn Trung S1: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 64D1-201.04; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 047337, tên chủ xe Nguyễn Minh N, biển số đăng ký 64D1-201.04; 01 (một) cái bóp màu đen, loại bóp gấp ngang, có chữ POLO bên ngoài, trong bóp có: 01 (một) CCCD số 084073005842; 01 (một) CMND số 331070944; 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số T806204; 01 Thẻ bảo hiểm y tế mã số GD4868621537825 cùng mang tên Nguyễn Trung S1.

Hiện còn tạm giữ:

- 01 (một) áo khoác tay dài màu đen phía trước ngực áo có chữ “Dodgers” màu trắng và có 02 (hai) sọc xéo song song màu xám, trên 02 (hai) tay áo có màu xám đen và có 03 (ba) sọc đen; 01 (một) nón bảo hiểm loại nửa đầu không kính màu

trắng có lưỡi trai màu đen, trên nón có nhiều vết màu xanh xám nâu; 01 (một) đôi dép, loại dép kẹp đen đỏ, quai dép màu vàng có chữ zenstar; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) đôi dép bằng nhựa màu đen, loại dép quai ngang, trên quai dép có 05 sọc màu đen và có chữ asia, quai dép màu xám có 05 sọc màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng.

- 01 (một) đĩa DVD-R maxell lưu trữ các đoạn video liên quan vụ trộm do cơ quan điều tra thu được trong quá trình điều tra xác minh.

Đối với xe mô tô biển số 84B1-836.29 của bà Hồ Thị Thanh C do Trần Phước S tự ý lấy sử dụng, bà C không biết nên không xử lý. Đối với thanh đoản và chìa khóa S sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ mất, không thu hồi được.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Trung S1 đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường. Số tiền thu lợi bất chính bị cáo Trần Phước S đã nộp lại xong.

Quá trình điều tra xác minh, xác định ông Nguyễn Thanh H, Nguyễn Trí H1, Hồ Thị Thanh C, Trương Thành L không biết xe mô tô biển số 64D1-201.04 là do trộm cắp mà có nên không cấu thành tội phạm.

Đối với hành vi mua bán chất ma túy của các đối tượng chưa xác định được S thân, địa chỉ Cơ quan điều tra sẽ điều tra làm rõ và xử lý sau.

Bản cáo trạng số: 25/CT-VKSHVL ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long) truy tố các bị cáo Trần Phước S và bị cáo Lê Vũ T1 cùng về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của các bị cáo Trần Phước S và Lê Vũ T1 đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Phước S và Lê Vũ T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Phước S mức án tù 09 tháng đến 01 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo S.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Vũ T1 mức án tù 09 tháng đến 01 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T1.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) áo khoác tay dài màu đen phía trước ngực áo có chữ “Dodgers” màu trắng và có 02 (hai) sọc xéo song song màu xám, trên 02 (hai) tay áo có màu xám đen và có 03 (ba) sọc đen; 01 (một) nón bảo hiểm loại nửa đầu không kính màu trắng có lưỡi trai màu đen, trên nón có nhiều vết màu xanh xám nâu; 01 (một) đôi dép, loại dép kẹp đen đỏ, quai dép màu vàng có chữ zenstar, 01 (một) đôi dép bằng nhựa màu đen, loại dép quai ngang, trên quai dép có 05 sọc màu đen và có chữ asia, quai dép màu xám có 05 sọc màu đen.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội: Trần Phước S số tiền 3.000.000đ, đã nộp xong. Lê Vũ T1 số tiền 1.000.000đ, hiện tại chưa nộp.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Phước S 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo Lê Vũ T1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng.

+ Tiếp tục lưu hồ sơ 01 (một) đĩa DVD-R maxell lưu trữ các đoạn video liên quan vụ trộm do cơ quan điều tra thu được trong quá trình điều tra xác minh.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Trung S1 đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bị cáo Trần Phước S và bị cáo Lê Vũ T1 bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị buộc bị cáo Trần Phước S và bị cáo Lê Vũ T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Ý kiến của bị cáo Trần Phước S: Thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long.

Ý kiến của bị cáo Lê Vũ T1: Thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long.

Bị cáo Trần Phước S nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về gia đình.

Bị cáo Lê Vũ T1 nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo về phụ giúp gia đình, làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người có thẩm quyền trong cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Phước S và bị cáo Lê Vũ T1 khai nhận hành vi: Trần Phước S và Lê Vũ T1 là các đối tượng sử dụng ma túy. Ngày 15/01/2025 cả hai đã bàn bạc với nhau tìm xe mô tô không người trông coi lấy trộm bán lấy tiền. Đến khoảng 13 giờ, tại khu vực ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, cả hai đã lên lút trộm xe mô tô biển số 64D1-201.04 có giá trị 10.500.000đ của ông Nguyễn

Trung S1 mang về nhà, sau đó đem đi cầm với giá 4.000.000đ và chia nhau tiêu xài hết.

Vụ án có đồng phạm giản đơn, bị cáo S là người giữ vai trò chính, bị cáo T1 là người giúp sức.

Các bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng với hành vi của các bị cáo và thống nhất với kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V.

Xét lời khai của các bị cáo tại tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó cáo trạng số 25/CT-VKSHVL ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long) truy tố hành vi của các bị cáo và lời luận tội của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở khách quan kết luận bị cáo Trần Phước S và bị cáo Lê Vũ T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo S và bị cáo T1 là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác được luật hình sự quy định và bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây lo lắng cho một bộ phận người dân. Bị cáo S và bị cáo T1 đều phạm tội với lỗi cố ý, mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo S và bị cáo T1 đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo S đang có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản. Đối với bị cáo T1 có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Điều đó cho thấy sự xem thường pháp luật cũng như ý thức cải tạo kém của các bị cáo. Các bị cáo S và T1 có vai trò đồng phạm giản đơn, bị cáo S giữ vai trò chính, bị cáo Thanh giữ vai trò giúp sức. Nên xét xử bị cáo S và bị cáo T1 một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T1 tái phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo S, T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại Nguyễn Trung S1 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T1, bị cáo T1 đầu thú nên bị cáo T1 được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mẹ ruột bị cáo S là bà C đã nộp số tiền 3.000.000đ là tiền thu lợi bất chính thay cho bị cáo S tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu

vực 4 – Vĩnh Long) xong nên bị cáo S được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo S, T1 không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo S, T1.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) áo khoác tay dài màu đen phía trước ngực áo có chữ “Dodgers” màu trắng và có 02 (hai) sọc xéo song song màu xám, trên 02 (hai) tay áo có màu xám đen và có 03 (ba) sọc đen; 01 (một) nón bảo hiểm loại nửa đầu không kính màu trắng có lưỡi trai màu đen, trên nón có nhiều vết màu xanh xám nâu; 01 (một) đôi dép, loại dép kẹp đen đỏ, quai dép màu vàng có chữ zenstar, 01 (một) đôi dép bằng nhựa màu đen, loại dép quai ngang, trên quai dép có 05 sọc màu đen và có chữ asia, quai dép màu xám có 05 sọc màu đen.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Buộc bị cáo Trần Phước S phải nộp số tiền thu lợi bất chính 3.000.000đ để thu vào ngân sách Nhà nước. Ngày 09/5/2025 bà Hồ Thị Thanh C là mẹ ruột của bị cáo Trần Phước S đã nộp số tiền 3.000.000đ theo biên lai thu số N⁰0004821, ngày 09/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Vĩnh Long) thay cho bị cáo Trần Phước S xong nên bị cáo Trần Phước S đã nộp đủ, bị cáo Trần Phước S không phải nộp thêm.

Buộc bị cáo Lê Vũ T1 phải nộp số tiền thu lợi bất chính 1.000.000đ để thu vào ngân sách Nhà nước.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Phước S 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo Lê Vũ T1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng.

+ Tiếp tục lưu hồ sơ 01 (một) đĩa DVD-R maxell lưu trữ các đoạn video liên quan vụ trộm do cơ quan điều tra thu được trong quá trình điều tra xác minh.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Trung S1 đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bị cáo Trần Phước S và bị cáo Lê Vũ T1 bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngày 09/5/2025 bà Hồ Thị Thanh C là mẹ ruột của bị cáo Trần Phước S đã nộp số tiền 3.000.000đ là tiền thu lợi bất chính thay cho bị cáo Trần Phước S tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Vĩnh Long). Bà C không có yêu cầu bị cáo S trả lại cho bà C số tiền 3.000.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngày 21/01/2025, bị cáo S xin ông Nguyễn Thanh H số tiền 4.200.000đ và nhờ ông H đi chuộc xe mô tô biển số 64D1-201.04 lại dùm S. Ông H không có yêu cầu bị cáo S trả lại cho ông H số tiền 4.200.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo S, T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Phước S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Phước S 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/01/2025.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Vũ T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Vũ T1 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/01/2025.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Phước S và bị cáo Lê Vũ T1.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) áo khoác tay dài màu đen phía trước ngực áo có chữ “Dodgers” màu trắng và có 02 (hai) sọc xéo song song màu xám, trên 02 (hai) tay áo có màu xám đen và có 03 (ba) sọc đen; 01 (một) nón bảo hiểm loại nửa đầu không kính màu trắng có lưỡi trai màu đen, trên nón có nhiều vết màu xanh xám nâu; 01 (một) đôi dép, loại dép kẹp đen đỏ, quai dép màu vàng có chữ zenstar, 01 (một) đôi dép bằng nhựa màu đen, loại dép quai ngang, trên quai dép có 05 sọc màu đen và có chữ asia, quai dép màu xám có 05 sọc màu đen.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Buộc bị cáo Trần Phước S phải nộp số tiền thu lợi bất chính 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để thu vào ngân sách Nhà nước. Ngày 09/5/2025 bà Hồ Thị Thanh C là mẹ ruột của bị cáo Trần Phước S đã nộp số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số N^o0004821, ngày 09/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Vĩnh Long) thay cho bị cáo Trần Phước S xong nên bị cáo Trần Phước S đã nộp đủ, bị cáo Trần Phước S không phải nộp thêm.

Buộc bị cáo Lê Vũ T1 phải nộp số tiền thu lợi bất chính 1.000.000đ (Một triệu đồng) để thu vào ngân sách Nhà nước.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Phước S 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo Lê Vũ T1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng.

+ Tiếp tục lưu hồ sơ 01 (một) đĩa DVD-R maxell lưu trữ các đoạn video liên quan vụ trộm do cơ quan điều tra thu được trong quá trình điều tra xác minh.

(Vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Vĩnh Long) đang quản lý).

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Trung S1 đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bị cáo Trần Phước S và bị cáo Lê Vũ T1 bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngày 09/5/2025 bà Hồ Thị Thanh C là mẹ ruột của bị cáo Trần Phước S đã nộp số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính thay cho bị cáo Trần Phước S tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Vĩnh Long). Bà C không có yêu cầu bị cáo S trả lại cho bà C số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngày 21/01/2025, bị cáo Trần Phước S xin ông Nguyễn Thanh H số tiền 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) và nhờ ông Nguyễn Thanh H đi chuộc xe mô tô biển số 64D1-201.04 lại dùm bị cáo Trần Phước S. Ông Nguyễn Thanh H không có yêu cầu bị cáo Trần Phước S trả lại cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Phước S và bị cáo Lê Vũ T1 mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát Công an tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- PTTG khu vực V;
- THADS tỉnh V;
- Người tham gia tố tụng;
- Các bị cáo;
- L1.

(đã ký)

Ngô Thị Quyên